

Số: KH1T-35/11h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ ngày 11/12/2024-10/01/2025)**

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ ngày 11/11-10/12/2024

+ *Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*:

Thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2024, trên Biển Đông đã xuất hiện 03 cơn bão, diễn biến như sau:

- Bão số 7 (YINXING): Sáng ngày 08/11, cơn bão có tên quốc tế là YINXING đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 7 trong năm 2024. Bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây với cường độ mạnh lên cấp 14, giật cấp 17. Đến sáng ngày 10/11, khi đi vào vùng biển phía Tây Bắc khu vực Bắc Biển Đông, bão đổi hướng di chuyển theo hướng Tây Tây Nam cường độ bão giảm xuống cấp 13, giật cấp 16. Tối ngày 11/11 sau khi di chuyển vào vùng biển phía Tây khu vực quần đảo Hoàng Sa, bão số 7 suy yếu thành ATNĐ. Đến chiều tối ngày 12/11, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực ven biển Bình Định-Phú Yên.

- Bão số 8 (TORAJI): Tối ngày 11/11, cơn bão có tên quốc tế có tên là TORAJI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 8 trong năm 2024. Bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 9-10, giật cấp 12. Đến tối ngày 14/11, bão số 8 di chuyển trên vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và suy yếu thành ATNĐ. Đến sáng sớm ngày 15/11, ATNĐ suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Bắc của khu vực Bắc Biển Đông.

- Bão số 9 (MANYI): Tối ngày 17/11, bão MANYI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 09 trong năm 2024. Bão chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc; đến sáng ngày 19/11, chủ yếu di chuyển theo hướng Tây với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 9, giật cấp 11. Đến chiều ngày 19/11, bão chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Tây Nam với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật cấp 10. Chiều tối ngày (19/11), bão số 09 đã suy yếu thành ATNĐ. Sáng

sớm ngày 20/11, ATNĐ (suy yếu từ cơn bão số 9) suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Bắc quần đảo Hoàng Sa.



(a)

(b)

(c)

Hình 1: (a) Quỹ đạo cơn bão số 7 (YIXING), (b) Quỹ đạo bão số 8 (TORAJI), (c) Quỹ đạo bão số 9 (MANYI)

+ *Đông, tố và lốc*: Trong thời kỳ từ ngày 11/11-10/12, đã xảy ra lốc xoáy tại tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 13/11/2024.

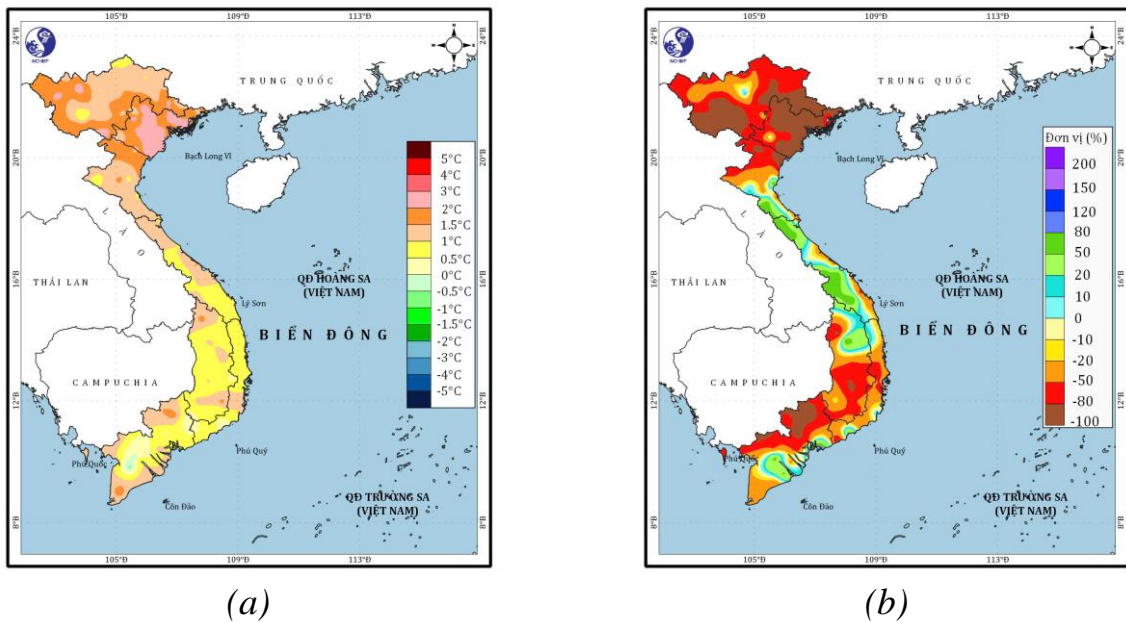
+ *Không khí lạnh (KKL)*: Trong thời kỳ từ ngày 11/11-10/12, đã xuất hiện 02 đợt KKL vào các ngày 26/11, 06/12. Trong đó, đáng lưu ý đợt KKL trong ngày 06/12 đã gây trời rét cho khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Ở khu vực Bắc Bộ trời rét, vùng núi có nơi rét đậm, rét hại; nhiệt độ thấp nhất trong đợt không khí lạnh này phổ biến từ 14-17⁰C, vùng núi 11-13⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 10⁰C như: Sapa (Lào Cai) 9,3⁰C, Đồng Văn (Hà Giang) 8,1⁰C, Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 9,0⁰C, Trùng Khánh (Cao Bằng) 9,5⁰C, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 5,1⁰C, ... Khu vực Bắc Trung Bộ trời rét; nhiệt độ thấp nhất trong đợt không khí lạnh này phổ biến từ 15-18⁰C.

+ *Mưa lớn diện rộng*:

Thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2024, có 03 đợt mưa lớn diện rộng diễn ra chủ yếu tại khu vực Trung Bộ: Từ ngày 12-13/11 (mưa tập trung ở các tỉnh từ Quảng Trị đến Bình Định), từ ngày 18-27/11 và từ ngày 06/12 đến hiện tại (ngày 11/12). Trong đó, đợt mưa từ ngày 18-27/11 và từ ngày 06/12 đến hiện tại đều do ảnh hưởng của không khí lạnh kết hợp với nhiễu động gió Đông trên cao. Đợt mưa từ ngày 18-27/11 tại các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Phú Yên có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 150-280mm, có nơi cao hơn trên 600mm như Trà My (Quảng Nam) 1270mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 670mm, riêng Thừa Thiên Huế có mưa phổ biến từ 400-1000mm; đợt mưa từ ngày 06/12 đến hiện tại, khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Khánh Hòa có TLM phổ biến trong khoảng từ 30-70mm, có nơi trên 100mm như tại Trà My (Quảng Nam) 134mm, tại Cam Ranh (Khánh Hòa) 165mm. Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa vừa, mưa to. Trên cả nước đã quan trắc

được một số trạm khí tượng xảy ra giá trị lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) so với cùng thời kỳ (*Bảng 1 - Phụ lục*).

- *Nhiệt độ trung bình*: Thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2024, nhiệt độ trung bình trên khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0⁰C, có nơi cao hơn; các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2a*). Trong thời kỳ này, tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 2- Phụ lục*).

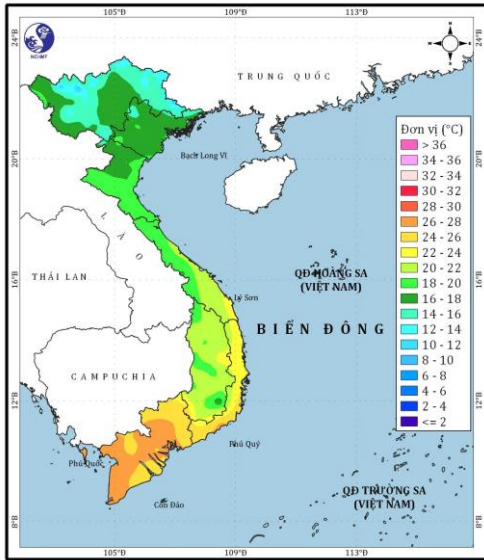


Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (⁰C) từ ngày 11/11-10/12/2024; (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 11/11-10/12/2024.

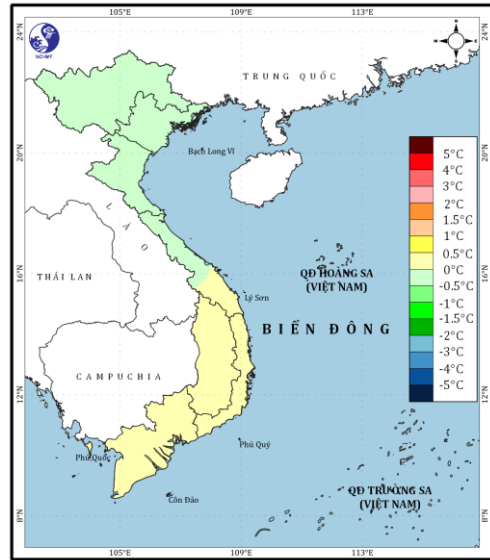
- *Lượng mưa*: Thời kỳ từ 11/11-10/12/2024, TLM tại khu vực Bắc Bộ thấp hơn so với TBNN từ 60-100%; các khu vực khác phổ biến thấp hơn từ 20-70%, có nơi thấp hơn trên 80%, riêng một số nơi ở khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, khu vực Ninh Thuận-Bình Thuận và khu vực Miền Tây Nam Bộ có TLM cao hơn TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2b*).

2. Dự báo xu thế khí hậu thời hạn tháng thời kỳ từ ngày 11/12/2024-10/01/2025

- *Nhiệt độ trung bình*: Nhiệt độ trung bình trên phạm vi toàn quốc ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3b*).



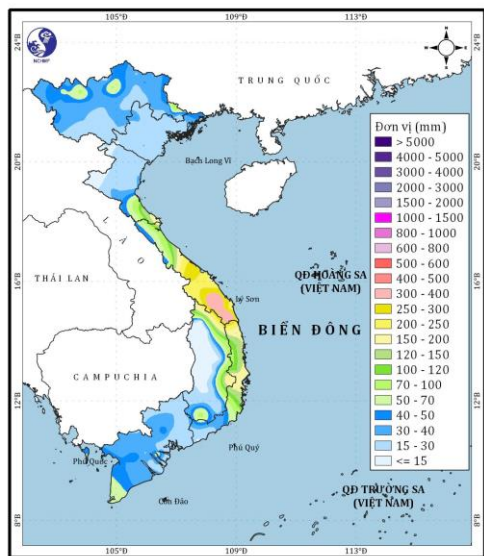
(a)



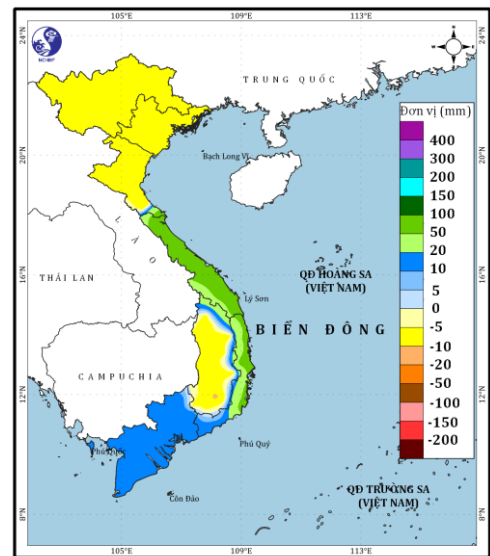
(b)

Hình 3: (a) Nhiệt độ TBNN từ ngày 11/12-10/01 ($^{\circ}\text{C}$); (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình từ ngày 11/12/2024-10/01/2025.

- **Lượng mưa:** TLM tại Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên phổ biến thấp hơn từ 10-20mm so với TBNN, một số nơi phía tây Bắc Bộ có thể thấp hơn. Khu vực từ Quảng Bình đến Khánh Hòa và phía Bắc Ninh Thuận, TLM phổ biến cao hơn từ 50-100mm so với TBNN. Các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 10-20mm so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



(a)



(b)

Hình 4: (a) Tổng lượng mưa TBNN từ ngày 11/12-10/01 (mm); (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa từ ngày 11/12/2024-10/01/2025 (mm).

- **Cảnh báo thời tiết nguy hiểm:**

+ **Bão/ATNĐ:** Thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2024, bão/ATNĐ ít có khả năng xuất hiện trên khu vực Biển Đông cũng như ảnh hưởng đến đất liền Việt

Nam.

+ *Không khí lạnh (KKL)*: Trong thời kỳ dự báo, KKL có xu hướng hoạt động mạnh hơn so với TBNN cùng thời kỳ, khả năng xuất hiện nhiều ngày rét đậm, rét hại.

+ *Mưa vừa, mưa to*: Khu vực Trung và Nam Trung Bộ tiếp tục xuất hiện các đợt mưa vừa, mưa to diện rộng; khu vực Nam Bộ có khả năng còn xuất hiện các đợt mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to. Ở các tỉnh phía Nam, tiếp tục đề phòng khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trên biển có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Trên đất liền, không khí lạnh có thể gây ra nhiều ngày rét đậm, rét hại ở các tỉnh Miền Bắc, nguy cơ thể kèm theo sương muối và băng giá gây ảnh hưởng lớn đến vật nuôi, cây trồng và sức khỏe của người dân, đặc biệt khu vực vùng núi phía bắc; ngoài ra ở khu vực phía nam còn xuất hiện mưa lớn, dông mạnh kèm theo lốc, sét, mưa đá và gió giật có thể ảnh hưởng lớn đến sản xuất và các hoạt động dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa thời kỳ từ ngày 11/12/2024-10/01/2025

Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng)	Thời kỳ 11-20/12		Thời kỳ 21-31/12		Thời kỳ 01-10/01		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	16,0-17,0	<5	14,0-15,0	<5	14,5-15,5	<5	14,5-15,5	5-15
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	16,5-17,5	5-10	16,5-17,5	5-10	16,5-17,5	<5	16,5-17,5	10-20
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	16,0-17,0	5-10	16,5-17,5	5-10	16,5-17,5	<5	16,5-17,5	10-20
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	16,0-17,0	5-10	16,5-17,5	5-10	16,5-17,5	<5	16,5-17,5	10-20
Vinh (Bắc Trung Bộ)	17,5-18,5	15-30	17,5-18,5	15-30	17,5-18,5	20-40	17,5-18,5	50-100

Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng)	Thời kỳ 11-20/12		Thời kỳ 21-31/12		Thời kỳ 01-10/01		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Huế (<i>Trung Trung Bộ</i>)	20,5-21,5	150-250	19,5-20,5	100-200	20,0-21,0	50-100	20,5-21,5	300-500
Nha Trang (<i>Nam Trung Bộ</i>)	24,5-25,5	80-160	24,5-25,5	50-100	24,0-25,0	10-20	24,5-25,5	140-280
Buôn Ma Thuột (<i>Tây Nguyên</i>)	21,5-22,5	10-20	20,5-21,5	5-10	21,0-22,0	5-10	21,0-22,0	20-40
Châu Đốc (<i>Nam Bộ</i>)	26,0-27,0	15-30	25,5-26,5	10-20	26,0-27,0	5-10	26,0-27,0	30-60

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 21/12/2024

Tin phát ngày: 11/12/2024./.

Dự báo viên: Hoàng Thị Mai

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục**Bảng 1: Lượng mưa cao nhất ngày vượt GTLS trong thời kỳ từ 01-10/12/2024**

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phan Rang	137,1	2015	138,0	07/12/2024
Trà Nóc	51,8	2017	53,3	03/12/2024

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS từ ngày 11-30/11/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	23,1	2016	24,1	14/11/2024
Đình Lập (Lạng Sơn)	33,1	1974	33,2	15/11/2024
Tiên Yên (Quảng Ninh)	32,5	2006	33,4	15/11/2024
Uông Bí (Quảng Ninh)	32,7	2023	32,8	15/11/2024
Hòn Dấu (Hải Phòng)	33,0	2023	33,2	15/11/2024
Thái Bình	32,5	1997	32,6	15/11/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	33,8	2022,2023	34,0	16/11/2024
An Nhơn (Bình Định)	32,5	2021	34,0	17/11/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	35,6	2022	35,7	21/11/2024